

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 134/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 10 - 2020

V/v “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật

Bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 524/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Số 243Đ cặp rạch ông Mạnh, tổ 3, khóm Tây Khánh 4, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ánh S, sinh năm: 1984 (ông S có đơn xét xử vắng mặt ngày 01/10/2020).

Địa chỉ: Số 243Đ cặp rạch ông Mạnh, tổ 3, khóm Tây Khánh 4, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông S quen biết nhau sau thời gian tìm hiểu

và đi đến kết hôn vào năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu sống hạnh phúc. Sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S đánh đập, bạo hành gia đình, đặc biệt vào ngày 31/8/2020, ông S đánh bà Đ gây thương tích phải đưa đi cấp cứu tại bệnh viện. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông S.

Về con chung: trong thời gian chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Ánh Trung, sinh ngày 31/01/2007 và Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 18/02/2014. Hiện 02 con chung đang do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông S cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/hai con chung cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ánh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 01/10/2020 ông S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà Đ về thời gian sống chung, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cũng như việc chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Qua yêu cầu của bà Đ thì ông cũng đồng ý ly hôn, vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: có 02 con chung, Nguyễn Ánh Trung, sinh ngày 31/01/2007 và Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 18/02/2014. Hiện do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn thì ông đồng ý để bà Đ được nuôi con và ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/hai con chung cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến con chung vào ngày 01/10/2020, cháu Nguyễn Ánh Trung và cháu Nguyễn Ánh Dương đều trình bày nguyện vọng sau khi cha mẹ không còn chung sống với nhau nữa thì cả hai cháu muốn ở cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị không công nhận vợ chồng với ông S. Về con chung bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành. Về tài sản chung: bà và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ánh S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01/10/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa bà Đ với ông S là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Cả hai vợ chồng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên nên bà Đ khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Ánh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do bận công việc không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được. Đề nghị này của ông S phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Giữa bà Đ và ông S đã tự nguyện tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên quan hệ giữa bà Đ và ông S không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ Điều 8, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng Đ, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đ và ông S.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Ánh Trung, sinh ngày 31/01/2007 và Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 18/02/2014. Hiện 02 cháu do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con và trong quá trình giải quyết vụ án ông S cũng đồng ý để bà Đ được nuôi con. Đồng thời, xét nguyện vọng của cả 02 con đều xin được ở với mẹ. Việc thỏa thuận này phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Ánh S không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: theo quy định pháp luật, sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ (một phần hai) mức lương cơ sở do Nhà nước quy định đối với một người con chưa thành niên. Bà Đ yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 cháu Nguyễn Ánh Trung, sinh ngày 31/01/2007 và Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 18/02/2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng/hai con chung là phù hợp quy định pháp luật và được ông S đồng ý theo biên bản hòa giải ngày 01/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Ánh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Ánh Trung, sinh ngày 31/01/2007 và Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 18/02/2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng/hai con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu S và cháu Trung đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được các bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

[5] Về tài sản chung: Ông bà trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về nợ chung: Ông bà trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Về án phí: bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[8] Về quyền kháng cáo: Bà Đ và ông S được quyền kháng cáo trong theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Nguyễn Ánh S.

[2] Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Ánh Trung, sinh ngày 31/01/2007 và Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 18/02/2014 cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Ánh S không trực tiếp nuôi con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông S thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Ánh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Ánh Trung, sinh ngày 31/01/2007 và Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 18/02/2014 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/hai con chung kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu S và cháu Trung đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống bản thân, trừ trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Việc cấp dưỡng được các bên thực hiện tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo biên lai thu số 0005506 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Đ đã nộp xong.

Ông Nguyễn Ánh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Ánh S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TP.Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Dung

